

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 38 : 2012/PLC

DẦU MÁY LẠNH PLC REFRI - YÊU CẦU KỸ THUẬT

Hà nội – 2012

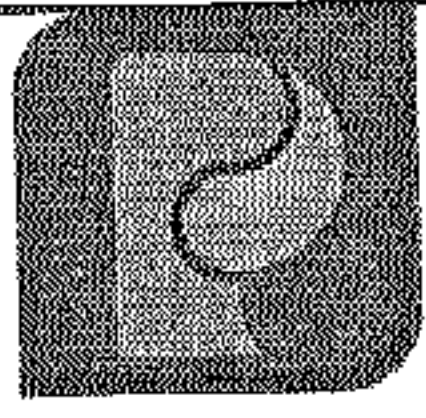
MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	
DẦU MÁY LẠNH PLC REFRI – YÊU CẦU KỸ THUẬT	1
1. Phạm vi áp dụng	1
2. Tiêu chuẩn trích dẫn:	1
3. Yêu cầu kỹ thuật	1
4. Thông tin bổ sung	2
5. Các yêu cầu khác	2

Lời nói đầu:

Tiêu chuẩn Dầu máy lạnh PLC REFRI số hiệu: TCCS 38 : 2012/PLC do Công ty cổ phần Hoá dầu Petrolimex (PLC) biên soạn và ban hành.

514
ING
PHA
Á D
COLM
4-10



PETROLIMEX

CÔNG TY CP HOÁ DẦU
PETROLIMEX

DẦU MÁY LẠNH
PLC REFRI

TCCS 38 :2012/PLC

Lần soát xét : 1

Ngày hiệu lực : 01/10/2012

DẦU MÁY LẠNH PLC REFRI – YÊU CẦU KỸ THUẬT

1. Phạm vi áp dụng: Tiêu chuẩn này áp dụng cho Dầu máy lạnh PLC REFRI được tinh chế đặc biệt có điểm đông đặc và kết tủa thấp, dùng để bôi trơn cho các máy nén khí dùng tác nhân làm lạnh thường nơi mà tác nhân làm lạnh có thể pha trộn với dầu bôi trơn.

2. Tiêu chuẩn trích dẫn:

TT	KÝ HIỆU	TÊN TIÊU CHUẨN
1	ASTM D 445	Phương pháp thử xác định Độ nhớt
2	ASTM D 2270	Phương pháp thử xác định Chỉ số độ nhớt, min
3	ASTM D 92	Phương pháp thử xác định Nhiệt độ bắt cháy
4	ASTM D 97	Phương pháp thử xác định Nhiệt độ đông đặc
6	-	Phương pháp thử xác định Nhiệt độ kết tủa keo tụ
7	ASTM D 664	Phương pháp thử xác định Trị số trung hũa
8	ASTM D 1298	Phương pháp thử xác định Tỷ trọng
9	ASTM D 130	Phương pháp thử xác định Ăn mủn đồng

3. Yêu cầu kỹ thuật:

3.1 Tiêu chuẩn này qui định các chỉ tiêu chất lượng cho Dầu máy lạnh PLC REFRI 46, 68.

3.2 Yêu cầu đối với nguyên liệu chính:

- Dầu khoáng Naphtenic
- Phụ gia: Phụ gia dùng cho dầu máy lạnh.

Các nguyên liệu đưa vào sản xuất đều đảm bảo chất lượng.

3.3 Yêu cầu đối với sản phẩm: Sản phẩm có các chỉ tiêu mức chất lượng theo quy định tại bảng dưới đây:

TÊN CHỈ TIÊU	PHƯƠNG PHÁP THỬ	MỨC CHẤT LƯỢNG	
		PLC REFRI	
		46	68
1. Tỷ trọng	ASTM D 1298	0.880	0.888
2. Nhiệt độ chớp lửa	ASTM D 92	210	220
3. Độ nhớt động học ở 40°C	ASTM D 445	45	68
4. Độ nhớt động học ở 100°C	ASTM D 445	6.0	8.8
5. Chỉ số độ nhớt	ASTM D 2270	63	66
6. Trị số trung hoà	ASTM D 664	0.01	0.01
7. Nhiệt độ kết tủa keo tụ	-	- 55	- 50
8. Nhiệt độ đông đặc	ASTM D 97	- 40	- 40
9. Ăn mòn đồng	ASTM D 130	1a	1a

3.4. Lấy mẫu: Theo TCVN 6777 (ASTM D 4057)

4. Thông tin bổ sung:

4.1. Ghi nhãn, vận chuyển và bảo quản: Theo TCCS 50:2012/PLC

4.2. Bao gói: Dầu được đóng gói theo dung tích ghi trên bao bì. Thông thường: Phuy 210 lít.

5. Các yêu cầu khác: Chứng nhận chất lượng hàng hoá: Theo Chứng chỉ chất lượng cụ thể của từng lô hàng do các Phòng thử nghiệm VILAS 017 hoặc VILAS 022 cấp khi giao nhận hàng hoá.